

DỰ THẢO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG  
MUA BÁN PHÔI THÉP Ст5пс (St5ps)

Số: /HĐ-VT/2023

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 và Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Quyết định phê duyệt kết quả chào giá rộng rãi số: ...../QĐ-VMC ngày ....../...../2023 của Giám đốc Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN;

Căn cứ Biên bản thương thảo số ...../BB-HĐG ngày ...../...../2023 giữa Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN và ..... về việc thương thảo Hợp đồng bán phôi thép Ст5пс (St5ps);

Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của mỗi bên.

Hôm nay, ngày tháng năm tại Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN, chúng tôi gồm có:

**BÊN MUA (BÊN A): CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY - VINACOMIN (VMC)**

Địa chỉ: Số 486 Đường Trần Phú, phường Cẩm Thủy, TP Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh;

Số điện thoại: 0203.3862584; FAX: 0203.3862034; Email: vmc.tkv@gmail.com;

Số tài khoản: 111000010620;

Mở tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh Cẩm Phả;

Mã số thuế: 5700495999;

Đại diện: Ông **Phạm Minh Tuấn**

Chức vụ: Giám đốc.

**BÊN BÁN (BÊN B):** .....

Địa chỉ: .....

Số điện thoại: .....

Số tài khoản .....

Mở tại .....

Mã số thuế: .....

Đại diện: Ông .....

Chức vụ: .....

8  
2

Hai bên thỏa thuận ký kết Hợp đồng, theo đó Bên mua đồng ý mua, Bên bán đồng ý bán hàng hóa với điều khoản và điều kiện như sau:

### **Điều 1. Thành phần Hợp đồng**

Thành phần Hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản Hợp đồng và các Phụ lục Hợp đồng.
2. Biên bản thương thảo Hợp đồng.
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà cung cấp.
4. Hồ sơ mời chào giá.
5. Hồ sơ chào giá và các tài liệu sửa đổi, làm rõ hồ sơ chào giá của Nhà cung cấp được lựa chọn.

### **Điều 2. Đối tượng của Hợp đồng**

- 2.1. Tên hàng hóa: Phôi thép Ст5пс (St5ps).
- 2.2. Nhà sản xuất/ Xuất xứ: .....
- 2.3. Khối lượng (tạm tính): 44.880,693 tấn

### **Điều 3. Chất lượng, yêu cầu kỹ thuật, quy cách của hàng hóa**

#### 3.1. Chất lượng.

Hàng hóa được cung cấp mới 100%, chưa qua sử dụng, đảm bảo chất lượng theo yêu cầu tại Khoản 3.2; 3.3; 3.4 và 3.5 Điều này.

#### 3.2. Yêu cầu kỹ thuật.

- Thành phần hóa học: Phôi thép có thành phần hóa học tương tự mác thép Ст5пс (St5ps) theo Tiêu chuẩn ГОСТ 380-2005 của Nga, trong đó thành phần hóa học các nguyên tố được lựa chọn như sau: C=0,30-0,35%; Si=0,05-0,15%; Mn=0,5-0,8%; P≤ 0,04%; S ≤ 0,05%; Cr ≤ 0,35%; Ni ≤ 0,35%; Cu ≤ 0,4%.

- Chất lượng bề mặt: Trên bề mặt phôi không có tạp chất phi kim loại, nứt chân chim, nứt ngang, nứt dọc, không có các điểm nổi dòn. Không nhăn hoặc xếp lớp sâu hoặc cao hơn 2 mm, không có hiện tượng lồi lõm cục bộ sâu hoặc cao hơn 3 mm. Không có các lỗ rỗng khí có đường kính  $\geq 2$  mm. Không có các vết ngậm xỉ  $\geq 20$  mm, sâu 2 mm, đầu phôi không có vết nứt.

- Sai lệch kích thước, hình dạng:

+ Phôi thép được cắt phẳng 2 đầu, độ nghiêng do cắt  $\leq 8$  mm.

+ Dung sai về chiều dài: +30 mm.

+ Sai lệch cho phép của cạnh 152 mm × 152 mm:  $\pm 2$  mm.

+ Chênh lệch đường chéo  $\leq 7,0$  mm.

+ Bán kính góc lượn hoặc vát góc: R  $\leq 12$  mm.

+ Độ cong cho phép: 1% tổng chiều dài.

+ Độ xoắn vặn theo dọc trục: Cho phép 1 độ/mét dài.

### 3.3. Quy cách.

- Tiết diện mặt cắt ngang: 152 mm × 152 mm.

- Số lượng, chiều dài thanh phôi: Bao gồm các loại chiều dài dự kiến như sau:

Stt	Chiều dài thanh phôi (mm)	Số lượng tạm tính (thanh)	Khối lượng tạm tính (tấn)	Ghi chú
1	L=5.480	17.087	16.982,562	Bên mua có thể điều chỉnh tăng hoặc giảm số lượng và khối lượng từng loại thanh phôi cho phù hợp nhu cầu thực tế trong quá trình tổ chức thực hiện, nhưng tổng khối lượng thay đổi không quá ± 10% .
2	L=5.720	760	788,436	
3	L=6.000	2.000	2.176,397	
4	L=6.110	3.014	3.339,960	
5	L=6.220	1.800	2.030,578	
6	L=6.330	17.040	19.562,760	
<b>Cộng</b>		<b>41.701</b>	<b>44.880,693</b>	

### 3.4. Đóng gói.

Hàng hóa rời không bao bì, có các dấu hiệu nhận biết về lô sản xuất và các thông tin khác (nếu có).

### 3.5. Chứng nhận chất lượng.

+ Đối với hàng hóa nhập khẩu: Bản gốc (nếu có) và 03 bộ bản sao công chứng: Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) + Bản dịch tiếng Việt của cơ quan dịch thuật; Giấy chứng nhận chất lượng (C/Q) + Bản dịch tiếng Việt của cơ quan dịch thuật.

+ Đối với hàng hóa sản xuất trong nước: Giấy chứng nhận xuất xưởng của nhà sản xuất kèm theo từng đợt giao nhận hàng, trong đó ghi rõ mác thép, số mẻ thép, chiều dài thanh phôi, số lượng thanh phôi, thành phần hóa học.

+ Kết quả thử nghiệm chứng minh chất lượng phôi thép của một đơn vị có chức năng tại Việt Nam được cấp phép kiểm định theo thỏa thuận giữa hai bên.

## **Điều 4. Hình thức Hợp đồng**

Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh.

## **Điều 5. Giá cả, điều chỉnh đơn giá, điều chỉnh khối lượng và phương thức thanh toán**

8

## 5.1. Đơn giá và giá trị Hợp đồng:

TT	Tên hàng hóa	Khối lượng tạm tính (tấn)	Đơn giá (đồng/tấn)	Thành tiền (đồng)
1	2	3	4	5
1	Phôi thép Cт5Пс (St5ps)	44.880,693	.....	.....
	Thuế GTGT 10%			
	<b>Tổng cộng</b>			

Bảng chữ: .....

- Tổng giá trị Hợp đồng đã bao gồm thuế GTGT, các loại phí, lệ phí và các chi phí khác để giao hàng đến địa điểm được quy định tại điểm 6.1.

- Đơn giá (cột 4) là tạm tính, đơn giá mua bán được áp dụng theo Khoản 5.2 - Điều 5 của Hợp đồng này cho từng tháng.

- Khối lượng (cột 3) là tạm tính. Khối lượng cụ thể theo nhu cầu của Bên A.

## 5.2. Đơn giá.

Đơn giá mua bán phôi thép Cт5Пс (St5ps) xác định theo công thức sau và được điều chỉnh hàng tháng.

**Đơn giá mua bán = Giá cơ sở + C hoặc theo phương án giảm giá được chấp thuận.**

Trong đó:

- Giá cơ sở = (Chỉ số giá x E).

+ Chỉ số giá: Là giá phôi thép nhập khẩu bình quân (CFR Manila) của tháng trước tháng giao hàng do Tạp chí Fastmarkets MB (Metal Bullentin) công bố, tính bằng USD/tấn.

+ E: Là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Hội sở chính (VCB) công bố vào ngày 01 của tháng giao hàng (trường hợp ngày 01 của tháng đó trùng vào ngày nghỉ, ngày lễ mà VCB chưa công bố thì lấy tỷ giá bán ra vào ngày làm việc tiếp theo liền kề do VCB công bố), tính theo VND/USD.

- C: Tổng chi phí phát sinh ngoài **Giá cơ sở** để đưa hàng hóa đến địa điểm giao hàng, chưa bao gồm thuế GTGT nhưng đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo quy định của Nhà nước, đơn vị tính là VND/tấn.

Đơn giá mua bán hàng tháng sẽ được xác định không muộn hơn ngày làm việc thứ năm của tháng giao hàng. Trên cơ sở công thức giá và Chỉ số giá phôi thép nhập khẩu (CFR Manila) bình quân của tháng trước tháng giao hàng do Tạp chí Fastmarkets MB (Metal Bullentin) công bố, Bên A tính toán đơn giá mua bán

phôi thép cho tháng đó, thông báo cho Bên B bằng văn bản. Căn cứ các quy định của Hợp đồng, Hai bên lập phụ lục Hợp đồng xác định giá mua bán phôi thép cho tháng.

### 5.3. Điều chỉnh khối lượng.

Bên B cung cấp theo nhu cầu của Bên A theo từng tháng hoặc từng đợt. Việc xác định khối lượng cung cấp thực tế thông qua Biên bản nhập hàng. Khối lượng được ghi trong biên bản tính theo tấn, lấy đến 3 chữ số sau dấu phẩy.

### 5.4. Phương thức thanh toán.

Bên A thanh toán 100% giá trị hàng hóa thực nhập theo từng tháng (hoặc từng đợt) trong vòng 90 ngày sau khi đã tập hợp đầy đủ các chứng từ hợp lệ như Khoản 5.5 - Điều 5 của Hợp đồng này.

#### 5.4.1. Hình thức thanh toán.

Chuyển khoản hoặc bù trừ công nợ.

#### 5.4.2. Phát hành hóa đơn.

Ngay sau khi kết thúc đợt giao nhận hàng hóa, hai Bên sẽ tiến hành nghiệm thu khối lượng, chất lượng hàng hóa trong đợt giao nhận. Bên B xuất hóa đơn GTGT cho Bên A căn cứ vào khối lượng giao nhận thực tế và đơn giá hàng tháng.

### 5.5. Bộ chứng từ thanh toán.

- Công văn đề nghị thanh toán của Bên B.
- Hoá đơn GTGT theo quy định Bộ tài chính.
- Biên bản kiểm nhập vật tư về khối lượng, chất lượng.
- Bảng tính giá trị thanh toán trên cơ sở khối lượng thực hiện và đơn giá thanh toán.

- Bảo đảm bảo hành có giá trị 5% giá trị Hợp đồng với thời gian hiệu lực tối thiểu là **180 ngày** kể từ ngày bàn giao hàng hóa. Trong trường hợp Bên B không có Bảo đảm bảo hành thì Bên A sẽ giữ lại 5% giá trị hàng hóa tương ứng với thời gian bảo hành.

- Hồ sơ kèm theo:

- + Đối với hàng hóa nhập khẩu: Bản gốc (nếu có) và 03 bộ bản sao công chứng: Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) + Bản dịch tiếng Việt của cơ quan dịch thuật; Giấy chứng nhận chất lượng (C/Q) + Bản dịch tiếng Việt của cơ quan dịch thuật.

- + Đối với hàng hóa sản xuất trong nước: Giấy chứng nhận xuất xưởng của nhà sản xuất kèm theo từng đợt giao nhận hàng, trong đó ghi rõ mác thép, số mẻ thép, chiều dài thanh phôi, số lượng thanh phôi, thành phần hóa học.

- + Kết quả thử nghiệm chứng minh chất lượng phôi thép của một đơn vị có chức năng tại Việt Nam được cấp phép kiểm định theo thỏa thuận giữa hai bên.

Trường hợp quy định tại Khoản 8.2 - Điều 8 của Hợp đồng thì chúng tôi giám định của Bên thứ 3 là hồ sơ thay thế.

**Điều 6. Địa điểm, thời gian, phương thức giao nhận hàng hóa.**

**6.1. Địa điểm giao nhận hàng hóa.**

Bên B giao hàng trên phương tiện vận chuyển của Bên B tại địa điểm được chỉ định trên mặt bằng Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN (địa chỉ: Số 486, Đường Trần Phú, phường Cẩm Thủy, TP Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh).

- Bên B lựa chọn các Phương tiện vận chuyển phù hợp để đảm bảo vận chuyển phôi thép an toàn và đúng các quy định, chiều cao thành xe tính từ sàn xe không quá 1.800 mm (phù hợp với thiết bị nâng tải của VMC).

**6.2. Thời gian giao nhận hàng hóa.**

Giao hàng thành từng đợt theo nhu cầu cụ thể của VMC, thời gian giao nhận đợt đầu từ ngày trong vòng 05 ngày kể từ khi ký Hợp đồng, đợt cuối cùng chậm nhất đến 10/7/2023.

Bên B cung cấp phôi thép khi Bên A có thông báo (gửi qua email, fax hoặc chuyển phát nhanh) về nhu cầu và thời gian cung cấp của từng đợt. Thông báo này được gửi cho Bên B trước 10 ngày kể từ ngày Bên A dự kiến nhận hàng. Nếu Bên A không có thông báo thì coi như Bên A không có nhu cầu.

**6.3. Phương thức giao nhận hàng hóa.**

- Khối lượng hàng hóa được xác định qua cân điện tử của Bên thứ 3 đặt tại Bên A. Trong trường hợp cân này bị hỏng, Bên A và Bên B thỏa thuận để xác định khối lượng qua một cân khác. Các cân sử dụng phải còn hiệu lực do cơ quan chức năng Nhà nước kiểm định. Chi phí qua cân do Bên B chi trả.

- Khối lượng hàng hóa = (Khối lượng phương tiện vận chuyển và hàng hóa trên phương tiện vận chuyển) – (Khối lượng phương tiện vận chuyển sau khi đã dỡ hàng hóa).

- Cùng với quá trình xác định khối lượng, Bên A tiến hành kiểm tra ngẫu nhiên một số mẫu thép theo lô sản xuất. Nếu lô nào không đạt yêu cầu về thành phần hóa học, Bên A thông báo cho Bên B dừng cung cấp lô hàng đó. Các lô hàng đảm bảo chất lượng sẽ được hai bên lập biên bản xác nhận về chất lượng, khối lượng, số lượng và chiều dài các thanh phôi tương ứng.

- Đầu mối tổ chức giao nhận hàng hóa của Bên A là Phòng KH-VT. Đầu mối tổ chức giao nhận hàng hóa của Bên B do Bên B chỉ định (có giấy giới thiệu hoặc ủy quyền của Bên B).

**Điều 7. Bảo đảm thực hiện Hợp đồng.**

Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày ký Hợp đồng, Bên B phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện Hợp đồng như sau:

- Giá trị bảo đảm thực hiện Hợp đồng: 10% tổng giá trị Hợp đồng, tương ứng với số tiền là ..... đồng.

- Hình thức bảo đảm thực hiện Hợp đồng: Chuyển khoản cho Bên A hoặc thư bảo lãnh do ngân hàng, tổ chức tài chính hoạt động tại Việt Nam phát hành cho Bên A.

- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện Hợp đồng: có hiệu lực kể từ khi phát hành đến hết ngày 31/7/2022.

- Nếu trong thời hạn quy định mà Bên B không hoàn tất nộp bảo đảm thực hiện Hợp đồng cho Bên A thì Hợp đồng tự động hết hiệu lực, đồng thời Bên B sẽ bị tước thu Bảo đảm tham gia chào giá.

- Bảo đảm thực hiện Hợp đồng không được hoàn trả trong trường hợp:

+ Bên B từ chối thực hiện Hợp đồng khi Hợp đồng có hiệu lực;

+ Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng: nếu Bên B không đáp ứng cấp hàng theo quy định tại Khoản 6.2, Điều 6 của Hợp đồng, ngay lập tức toàn bộ giá trị của Bảo đảm Hợp đồng sẽ bị tước thu.

+ Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện Hợp đồng.

## **Điều 8. Bảo hành, giám định và giải quyết khiếu nại**

### **8.1. Bảo hành.**

- Thời gian bảo hành: 180 ngày kể từ ngày hàng hóa được nghiệm thu bàn giao.

- Trong quá trình sử dụng hàng hóa, nếu phát hiện hàng hóa hoặc sản phẩm được chế tạo từ hàng hóa (các loại thép chống lò) bị gãy, nứt, khuyết tật hoặc thành phần hóa học không đạt theo yêu cầu của Hợp đồng thì Bên B phải cấp đổi hàng hóa khác cho Bên A trong vòng 05 ngày đồng thời chịu các chi phí liên quan đến công tác bảo hành sản phẩm của Bên A.

### **8.2. Giám định và giải quyết khiếu nại.**

Khi có hư hỏng sản phẩm thép chống lò do chất lượng phôi thép, hai bên cùng nhau kiểm tra để xác định nguyên nhân và phương án giải quyết. Nếu hai bên không thống nhất được cách giải quyết, hai bên sẽ mời Bên thứ 3 (*Hai bên thống nhất lựa chọn một đơn vị có chức năng khi ký Hợp đồng*) thực hiện giám định. Kết quả giám định của Bên thứ 3 sẽ là cuối cùng và ràng buộc các bên. Phôi thép hay sản phẩm chế tạo từ phôi thép (các loại thép chống lò) bị khiếu nại phải được để riêng, đánh dấu rõ ràng và không được tiếp tục sử dụng cho đến khi giải quyết xong khiếu nại. Khi Bên thứ 3 thực hiện công tác lấy mẫu giám định phải có đầy đủ đại diện có thẩm quyền của hai bên cùng giám sát. Khi có kết quả của Bên thứ 3 thì bên sai sẽ phải trả phí cho Bên thứ 3 và mọi chi phí phát sinh.

## **Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của các bên**

### **9.1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A.**

- Tiếp nhận và bốc xếp hàng hóa xuống vị trí được chỉ định trên mặt bằng của Bên A.

- Bên A có quyền yêu cầu Bên B phối hợp để giải trình, giải quyết mọi vấn đề có liên quan đến hàng hóa do Bên B cung cấp theo Hợp đồng này hoặc khi cơ quan chức năng có thẩm quyền yêu cầu.

- Thanh toán tiền mua hàng theo quy định tại Điều 5 Hợp đồng.

- Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến Hợp đồng này.

#### 9.2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B.

- Cung cấp hàng hoá cho Bên A đảm bảo chất lượng và thời gian giao hàng.

- Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Bên A và các cơ quan chức năng có thẩm quyền của Nhà nước về nguồn gốc xuất xứ và tính hợp pháp của vật tư hàng hóa mà Bên B cung cấp cho Bên A.

- Đăng ký phương tiện và người đại diện giao hàng cho Bên A trước khi giao hàng. Thực hiện nghiêm các nội quy, quy định của Bên A khi đến làm việc, giao hàng.

- Bên B phải tuân thủ các quy định về phòng, chống dịch COVID-19; chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu gây ra hậu quả do việc không tuân thủ các quy định an toàn về phòng, chống dịch COVID-19.

- Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến Hợp đồng này.

#### **Điều 10. Vi phạm Hợp đồng**

- Nếu Bên B vi phạm về thời gian giao hàng mà không do sự kiện bất khả kháng theo Điều 12 của Hợp đồng hoặc không do lỗi của Bên A gây ra, thì Bên B phải bồi thường cho Bên A một khoản bằng 0,5% giá trị hàng giao chậm cho mỗi ngày giao hàng chậm nhưng toàn bộ số tiền phạt không vượt quá 8% giá trị lô hàng giao chậm.

- Trường hợp một bên vi phạm Hợp đồng gây tổn thất cho bên kia, thì bên vi phạm hợp đồng phải bồi thường thiệt hại cho bên bị vi phạm theo giá trị tổn thất thực tế mà bên bị vi phạm phải chịu.

#### **Điều 11. Giải quyết tranh chấp Hợp đồng**

11.1. Các vi phạm của mỗi bên được giải quyết theo nguyên tắc: Bên vi phạm phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bên kia theo quy định tại Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 và Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

11.2. Các tranh chấp phát sinh giữa hai bên được giải quyết trước hết thông qua thương lượng, hòa giải. Nếu tranh chấp không được giải quyết được bằng

thương lượng, hòa giải thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền để giải quyết theo luật định, bên có lỗi sẽ chịu mọi chi phí.

### **Điều 12. Sự kiện bất khả kháng**

12.1. Sự kiện bất khả kháng là bất kỳ sự kiện, hoàn cảnh hay tình huống nào xảy ra một cách khách quan sau khi ký Hợp đồng này, không thể khắc phục được, nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các bên, làm bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện được một phần hay toàn bộ nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng, mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép.

12.2. Sự kiện bất khả kháng bao gồm các sự kiện, hoàn cảnh hay tình huống hoặc tương tự các sự kiện, hoàn cảnh hay tình huống như liệt kê dưới đây và thỏa mãn các quy định tại Khoản 12.1 Điều này.

a) Bão, gió lốc, lũ lụt, hạn hán, động đất, sóng thần, thời tiết khắc nghiệt bất thường hoặc bất kỳ một thiên tai nào khác.

b) Cháy, nổ, dịch bệnh phải cách ly theo quy định của các cơ quan chức năng;

c) Chiến tranh (tuyên bố hoặc không tuyên bố), xâm lược, xung đột vũ trang, hoặc các hành động thù địch của nước ngoài.

d) Hành động khủng bố, phong tỏa, cấm vận, bạo loạn, nổi loạn, phá hoại.

e) Bãi công, đình công, tấn công, phong tỏa nhà máy.

f) Quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

12.3. Trình tự xử lý, trách nhiệm của các bên trong trường hợp bất khả kháng.

Trong vòng 05 (năm) ngày kể từ ngày gặp bất khả kháng, bên gặp bất khả kháng phải thông báo cho bên kia bằng văn bản về trường hợp bất khả kháng. Các bên sẽ tiếp tục hoàn thành trách nhiệm của mình được quy định trong Hợp đồng sau khi trường hợp bất khả kháng chấm dứt. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày xảy ra bất khả kháng, nếu một trong các bên không tiếp tục thực hiện Hợp đồng thì bên kia sẽ có quyền huỷ Hợp đồng.

### **Điều 13. Chấm dứt hợp đồng**

Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt Hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về Hợp đồng như sau:

a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo Hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong Hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn. Trong trường hợp Bên A chấm dứt Hợp đồng theo Điểm a Điều này, Bên A có thể ký Hợp đồng với nhà cung cấp khác để thực hiện phần Hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần Hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện này đồng thời Bên B vẫn phải chịu trách nhiệm bảo hành phần Hợp đồng mà Bên B đã thực hiện.

b) Một trong hai Bên bị phá sản, giải thể.

8  
h

**Điều 14. Hiệu lực của Hợp đồng**

14.1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

14.2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên hoàn tất các nghĩa vụ theo Hợp đồng và phải tiến hành thanh lý Hợp đồng theo luật định.

**Điều 15. Cam kết chung**

15.1. Không Bên nào có quyền sửa đổi, bổ sung Hợp đồng khi không có sự đồng ý của Bên kia. Mọi sửa đổi, bổ sung chỉ có hiệu lực khi được hai Bên đồng ý bằng văn bản.

15.2. Nếu Bên nào đơn phương hủy bỏ hoặc chấm dứt Hợp đồng không có lý do chính đáng mà không được sự đồng ý của Bên kia thì phải bồi thường toàn bộ giá trị thiệt hại do việc đơn phương hủy bỏ hoặc chấm dứt Hợp đồng gây ra cho Bên kia.

15.3. Tất cả các thông báo theo Hợp đồng phải được gửi theo đường bưu điện, fax, email hoặc gửi trực tiếp cho đại diện có thẩm quyền của mỗi bên theo địa chỉ trong Hợp đồng.

**15.2. Bảo mật thông tin**

Hai bên cam kết không tiết lộ thông tin của Hợp đồng này cho bên thứ ba nếu không được sự đồng ý của hai bên, trừ trường hợp theo quy định của Pháp luật.

Hợp đồng này được lập thành 08 (tám) bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý ngang nhau, mỗi bên giữ 04 (bốn) bản để cùng thực hiện./.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

8